TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22/10/2020
V/v : Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Nguyễn Thị Ngọc Bích

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tìm
2. Bà Nguyễn Thị Quy

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Vui - Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Ngày 22/10/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 153/2020/TLST-HNGĐ ngày 04/6/2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXX-ST ngày 24/9/2020 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1992.

HKTT: Xóm X, thôn H N, xã K T, huyện K T, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Thôn X, H N, A H, A D, Hải Phòng

** Bị đơn:* Anh Lê Văn Th, sinh năm: 1986.

HKTT: Xóm X, thôn H N, xã K T, huyện K T, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.

(*Chị S, anh Th vắng mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, chị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Th được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn đăng ký tại UBND xã K T, huyện K Th, tỉnh Hải Dương ngày

12/10/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Th hay ghen vô cớ và thường xuyên chửi bới, đánh đập chị. Từ đầu năm 2020, chị đã đưa con về sống tại nhà bố mẹ đẻ tại Hải Phòng, còn anh Th vẫn sống cùng gia đình tại xã Kim Tân. Ngày 24/3/2020, chị S và em trai Nguyễn V V có về nhà anh Th để lấy giấy tờ nhập học cho con thì anh Th đã đánh, gây thương tích nặng cho chị S và anh V. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th.

Về con chung: Chị S xác định vợ chồng có 02 con chung là Lê Th M, sinh ngày 8/4/2013 và L Th V Tr, sinh ngày 28/8/2015, ban đầu chị S đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cả hai con và yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 đồng/01 tháng. Sau đó chị S đề nghị Tòa án giao cho chị và anh Th mỗi người nuôi một con cụ thể chị nuôi con L Th M và anh Th nuôi con L Th V Tr, trong thời gian anh Th không có nhà chị thay anh Th chăm sóc con V Tr, chị không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình tố tụng anh L V Th trình bày: Anh và chị S được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn đăng ký tại UBND xã K T, huyện K T, tỉnh Hải Dương ngày 12/10/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh được biết chị S có ngoại tình với người khác, vợ chồng thường bất đồng quan điểm, nhiều lần anh Th đã xô xát với chị S. Đầu năm 2020 chị S đưa con về ngoại sống, tháng 3 năm 2020 anh Th có điện thoại bảo chị S về để vợ chồng nói chuyện hàn gắn nhưng hôm đó do không làm chủ được bản thân nên anh đã gây thương tích cho chị S và em trai chị ấy. Hiện anh đang chấp hành hình phạt tù do hành vi vi phạm pháp luật của mình gây ra. Nay chị S có đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án, anh Th xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là L Th M, sinh ngày 8/4/2013 và L Th V Tr, sinh ngày 28/8/2015, hiện hai con đang ở cùng chị S, anh Th đề nghị Tòa án giao hai con cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh đi cải tạo thì chị S sẽ nuôi con, khi về anh sẽ đón con nuôi dưỡng và không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị S có đơn xin xử vắng mặt, chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn anh Th, chị xin được nuôi con L Th M, đề nghị tòa án giao con L Th V Tr cho anh Th chăm sóc và nuôi dưỡng, thời gian anh Th

không có nhà chị tự nguyện thay anh Th chăm sóc và nuôi con Tr, chị S không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Th vắng mặt và có đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho chị Ng Th S được ly hôn anh L V Th. Về con chung: Áp dụng Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Giao cháu L Th M, sinh ngày 8/4/2013 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi; giao cháu L Th V Tr cho anh L V Th chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi; tạm giao cháu Tr cho chị S chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh Th không có mặt tại địa phương. Chấp nhận sự tự nguyện của chị S không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị S phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng : Chị Ng Th S và anh L V Th có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị S, anh Th.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ng Th S và anh L V Th kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K T, huyện K Th, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị S thì thấy rằng: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh Th là do anh Th hay ghen tuông vô cớ, thường xuyên chửi bới, đánh chị S. Đỉnh điểm là tháng 3 năm 2020 anh Th đã cố ý gây thương tích cho chị S và em trai chị S là anh Ng V V, hiện anh Th đang phải chấp hành hình phạt tù vì hành vi vi phạm pháp luật đó. Tại biên bản lấy lời khai anh Th cũng khẳng định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, anh hay ghen và nhiều lần xô xát với chị S, chị S đề nghị ly hôn anh cũng nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị S anh Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị Ng Th S được ly hôn anh L V Th là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Xét yêu cầu xin được nuôi con của chị S và anh Th thì thấy: Chị S và anh Th có hai con chung là L Th M, sinh ngày 8/4/2013 và L Th V Tr, sinh ngày 28/8/2015, chị S và anh Th có quyền và nghĩa vụ như nhau trong việc chăm sóc và nuôi dưỡng hai con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu L Th M, cháu có nguyện vọng xin được ở cùng mẹ, nguyện vọng của cháu M phù hợp với nguyện vọng của chị S là xin được nuôi con M, giao con V Tr cho anh Th. Thực tế từ đầu năm 2020 đến nay chị S một mình chăm sóc và nuôi dưỡng các con rất tốt. Anh Th hiện đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam nên anh Th không thể trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai con được nên yêu cầu xin nuôi cả hai con của anh Th không có căn cứ để chấp nhận.

Do vậy, cần chấp nhận nguyện vọng của chị S giao con L Th M cho chị S chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; giao con L Th V Tr cho anh L V Th chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận đề nghị của chị S và anh Th: Tạm giao con L Th V Tr cho chị Ng Th S chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi anh L V Th về địa phương để trực tiếp nuôi con.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của chị S không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị S và anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, không đặt ra việc giải quyết.

[5] Về án phí: Chị S có đơn xin ly hôn nên chị S phải nộp tạm ứng án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu của chị Ng Th S, cho ly hôn giữa chị Ng Th S và anh L V Th.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu L Th M, sinh ngày 8/4/2013 cho chị S nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Giao cháu L Th V Tr, sinh ngày 28/8/2015 cho anh Th nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con trưởng

thành đủ 18 tuổi. Tạm giao con L Th V Tr cho chị Ng Th S chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh Th về trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con.

Chị S tự nguyện không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Ng Th S phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2018/0001472 ngày 04 tháng 6 năm 2020.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị S, anh Th. Chị S, anh Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tìm **Nguyễn Thị Quy** **Nguyễn Thị Ngọc Bích**

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- UBND xã Kim Tân, huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Ngọc Bích

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Bùi Đức Hiệp	**Nguyễn Thị Quy**	**Nguyễn Thị Ngọc Bích**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Ngô Văn Minh Đào Xuân Tìm	**Nguyễn Thị Ngọc Bích**